Phở 阿宏 HOÀNG

港式燒臘
正宗越南餐

Phở Hoàng

Vietnamese Cuisine & B-B-Q

41-01 Kissena Blvd.
Flushing, NY 11355

Tel: (718) 762-6151
(718) 762-6194

© NGAN & SONS CORP. TEL: (212) 732-7322 (A) www.ggdpi.com 07/13

飲品類
GIẢI KHÁT
BEVERAGE

(Them Trân Châu $0.50)
(Add Bubble Pearl $0.50 Extra)
(加珍珠 $0.50)

咖啡/奶茶	170.	Cà Phê Thường/Trà Sữa .....(H) 1.10 (C) 2.50 *Regular Coffee or Tea.*
法國咖啡奶	171.	Cà Phê Phin Sữa Nóng/ Đá ....(H) 3.00 (C) 3.25 *Hot or Cold Coffee w. Condensed Milk.*
凍檸檬茶	172.	Trà Đá Chanh .....2.50 *Cold Tea w. Fresh Lemonade.*
珍珠奶茶	173.	Trà Sữa Trân Châu ..3.00 *Bubble Tea Milk.*
珍珠鮮果汁	174.	Trân Châu Sinh Tố Tươi .....3.75 *Bubble Fresh Fruit.*
榴蓮磨冰	175.	Sinh Tố Sầu Riên....3.25 *Fresh Durian Nactar Shake.*
奶油果磨冰	176.	Sinh Tố Bơ.....3.25 *Hass Avocado Nactar Shake.*
木瓜磨冰	177.	Sinh Tố Đu Đủ.....3.25 *Papaya Nactar Shake.*
紅豆冰	178.	Chè Đậu Đỏ.....3.25 *Red Bean Iced w. Coconut Milk.*
三色冰	179.	Chè Ba Màu.....3.25 *Rainbow Iced w. Coconut Milk.*
蘇打酸梅	180.	Soda Xí Muội .....3.25 *Salted Plum w. Soda.*
蘇打鮮檸檬	181.	Soda Chanh Đường..3.00 *Fresh Lemonade Soda.*
龍眼冰	182.	Nhãn Nhục.....3.00 *Dried Longan in Syrup.*
鮮檸檬水	183.	Đá Chanh.....2.50 *Fresh Lemonade.*
蘇打雞蛋奶	184.	Soda Sữa Họt Gà....3.25 *Ice Soda w. Yolk & Condensed Milk.*
美綠	185.	Milo ..(H) 1.25 (C) 3.25
檸蜜	186.	Honey w. Lemon .....(H) 1.25 (C) 3.25
夏菇草	187.	Herbal Tea 1.50
	188.	Snapple 1.75
豆漿	189.	Sữa Đậu Nành .....1.50 *Soy Milk.*
汽水	190.	Soda 1.50
礦泉水	191.	Bottle of Water 1.10

頭 柈

CÁC MÓN ĂN CHƠI
APPETIZERS

火 鴨 Vịt Quay *(3)* 4.95
Roast Duck

越南春卷 21. Chả Giò ..(S.-4pcs.) 4.95
.....(L.-8pcs.) 8.95
Spring Roll.

越南韭菜鮮蝦卷 22. Gỏi Cuốn 4.25
Summer Roll.

越南豬皮肉絲卷 23. Bì Cuốn 4.25
Shredded Pork w. Veg. Roll.

素菜卷 24. Gỏi Cuốn Chay 4.25
Vegetable Roll.

越南鮮蝦燒豬肉片卷 25. Tôm Và Thịt Heo Nướng Cuốn.....5.95
Shrimp & Pork Roll.

越南鮮蝦鴨絲卷 26. Tôm Và Thịt Vịt Cuốn 5.95
Shrimp & Duck Roll.

越南腸粉 27. Bánh Cuốn Chả Lụa 5.95
Steamed Rice Crepe w. Pork.

越南燒豬扒 28. Sườn Nướng 2.75
Grilled Pork Chop.

越南燒雞扒 29. Gà Nướng 4.50
Grilled Chicken Chop.

越南燒牛肉串 30. Bò Lụi 4.95
Grilled Beef w. Sesame.

越南燒豬肉片 31. Thịt Heo Nướng 4.95
Grilled Sliced Pork.

越南雞絲沙津 32. Gỏi Gà *(Xé Phai)* 5.50
Chicken Salad.

越南鮮蝦沙津 33. Gỏi Tôm *(5 Pcs.)* 5.95
Shrimp Salad.

越南牛肉沙津 34. Gỏi Bò 5.95
Beef Salad.

越南鴨絲沙津 35. Gỏi Vịt *(Xé Phai)* 7.95
Duck Salad.

冬菇雞腳 36. Chân Gà Tiềm Nấm Đông Cô 4.95
Chicken Feet w. Black Mushroom.

咖喱魚蛋 39. Cá Viên Càri 5.50
Curry Fish Ball.

蠔油菜心 40. Cải Ngọt Dầu Hào..2.95
Vegetables w. Oyster Sauce.

本樓脆皮雞翼 40a. Cánh Gà Chiên Dòn *(4 pcs.)* 4.95
House Crispy Chicken Wings.

鍋貼或水餃 40b. Thủy Cảo Chiên Dòn Hoặc Hấp *(8 pcs.)*....4.95
Steamed or Pan-Fried Dumplings.

港式炸雲吞 40c. Hoành Thánh Chiên Dòn 5.50
Pan-Fried Wontons.

湯類 CANH ☆ SOUP

越南酸湯魚/雞/蝦 41. Canh Chua Cá / Gà / Tôm.....7.95
Hot & Sour Fish / Chicken / Shrimp Soup.

馬來肉骨茶 42. Canh Thịt Kiểu Mả Lai 7.50
Bak Kut Teh.

薑蛋涼瓜肉片湯 43. Canh Thịt Heo Và Khổ Hoa 7.50
Bitter Melon, Pork w. Egg Soup.

時菜海鮮湯 44. Canh Đồ Biển Cải Ngọt 7.95
Seafood Soup.

牛什湯 45. Canh Bò Thập Cẩm..6.25
Mixed Beef Soup.

酸菜豆腐肉片湯 46. Canh Thập Cẩm Đậu Hủ Và Cải Chua.....6.95
Veg. w. Tofu & Pork Soup.

魚頭湯 47. Canh Cá Đầu 8.25
Fish Head Soup.

燒臘，粥，腸粉，麵，飯類

ĐỒ QUAY / CHÁO / BÁNH ƯỚT / MÌ / CƠM
BARBECUED DISHES, CONGEE, NOODLES SOUP, RICE PLATE

(Hong Kong Style + 50¢) (干撈加50¢)

			飯 Rice	麵 Noodle	例 Order
火肉	48.	Thịt Heo Quay .....4.95 *Roast Pig.*	4.95	5.25	6.95
火腩	49.	Thịt Heo Quay Mở.....7.25 *Roast Pork Ribs.*	7.25	7.25	8.95
明爐燒鴨	50.	Vịt Quay.....4.95 *Roast Duck.*	4.95	5.25	6.25
豉油/葱油/白切雞	51.	Gà Xì Dầu, Mở Hành Hoặc Hấp .....4.95 *Soy Sauce, Scallion or Steamed Chicken.*	4.95	5.25	6.25
海南雞	52.	Gà Hải Nam .....5.95 *Chicken Malaysian Style.*	5.95	5.25	6.95
蜜汁叉燒	53.	Thịt Xá Xíu .....4.95 *Roast Pork.*	4.95	5.25	6.25
蜜汁排骨	54.	Xá Xíu Sườn Non .....5.95 *B.B.Q Ribs.*	5.95	6.50	7.25
滷味(豬肚,耳,腳)	55.	Phá Lấu .....4.95 *Pig's Tongue, Stomach & Ear.*	4.95	4.95	4.95
滷水墨魚	56.	Mực Phá Lấu .....6.75 *Marinated Cuttle Fish.*	6.75	6.75	8.95
雙拼	57.	Đồ Quay Hai Loại .....5.95 *Double Delight (Two Choices of Roasted Meat)*	5.95	6.95	9.95
三寶	58.	Đồ Quay Ba Loại .....6.95 *Triple Delight (Three Choices of Roasted Meat)*	6.95	7.50	11.95
港式牛腩	59.	Bò Kho .....6.25 *Beef Stew.*	6.25	6.25	10.95
冬菇鳳爪	60.	Chân Gà Tiềm Nấm Đông Cô .....5.50 *Chicken Feet w. Chinese Mushroom.*	5.50	5.95	9.95
咖喱雞	62.	Càri Gà.....5.75 *Curry Chicken.*	5.75	5.75	9.95
咖喱牛/羊	63.	Càri Thịt Bò Hoặc Dê..6.50 *Curry Beef or Lamb.*	6.50	6.95	11.95
咖喱釀什料	64.	Càri Thập Cẩm.....5.95 *Curry Mixed Stuffed Food.*	5.95	5.95	6.50
咖喱魚蛋腐皮腸粉	65.	Bánh Ướt Càri Cá Viên / Đậu Hủ Ky..... 5.95 *Curry Rice Crepe w. Fish Ball.*			
咖喱釀什料腸粉	66.	Bánh Ướt Càri Thập Cẩm .. 5.95 *Combination Curry Rice Crepe.*			
咖喱牛腩	67.	Càri Bò Kho .....6.25 *Curry Beef Stew.*	6.25	6.25	10.95
魚片粥	68.	Cháo Cá .....5.50 *Fish Congee.*			
海鮮粥	69.	Cháo Đồ Biển.....5.50 *Seafood Congee.*			
皮蛋瘦肉粥	70.	Cháo Thịt Nạt Và Trứng Bắp Thảo 4.25 *Preserved Egg & Pork Congee.*			
牛肉片粥	71.	Cháo Thịt Bò .....5.50 *Beef Congee.*			
雞肉片粥	72.	Cháo Gà .....4.25 *Chicken Congee.*			
豬肉片粥	73.	Cháo Thịt Heo .....4.25 *Sliced Pork Congee.*			
鮮蝦粥	74.	Cháo Tôm.....5.50 *Shrimp Congee.*			
冬菇菜心辦麵	75.	Mì Xào Mềm Đông Cô Và Cải Ngọt .....7.95 *Chinese Vegetables & Mushroom w. Flat Noodle.*			
什錦炒年糕	76.	Thập Cẩm Xào Bột Nếp .....7.95 *Mixed Meat w. Rice Cake.*			
海鮮炒年糕	77.	Đồ Biển Xào Bột Nếp .....8.50 *Seafood Rice Cake.*			

各式炒飯 78. Các Món Cơm Chiên *(Fried Rice Any Style)*

雞/豬肉炒飯 Cơm Chiên Gà Hoặc Thịt Heo..5.95
(Chicken or Pork)

牛/蝦炒飯 Cơm Chiên Bò Hoặc Tôm 6.95
(Beef or Shrimp)

素什菜炒飯 79. Cơm Chiên Chay.....5.95
Vegetarian Fried Rice.

揚州炒飯 80. Cơm Chiên Dương Chau 7.95
Young Chow Fried Rice.

鹹魚雞粒炒飯 81. Cơm Chiên Cá Măn Và Thịt Gà ..7.95
Salted Fish & Chicken Fried Rice.

麻油薑絲炒蛋肉片炒飯 82. Cơm Chiên Thịt Heo Trứng Gừng Và Dầu Mè.....6.50
Shredded Ginger, Sliced Pork & Egg Fried Rice.

葡式炒飯 83. Cơm Chiên Càri 6.95
Portuguese Fried Rice.

泰式炒飯 84. Cơm Chiên Thái 6.95
Thai Style Fried Rice.

菠蘿炒飯 85. Cơm Chiên Thôm 6.95
Pineapple Fried Rice

金雙銀炒飯 86. Cơm Chiên Cá Mặn Và Cá Tương Nhỏ 7.95
Dry Little Fish & Salted Fish Fried Rice.

炒粉麵，炒飯類
HỦ TIẾU / MÌ / CƠM XÀO
FRIED NOODLES & FRIED RICE

干炒牛河 87. Hủ Tiếu Bò Xào (Kho) 7.25
Beef Chow Fun.

濕炒牛河 88. Hủ Tiếu Bò Xào (Sốt).....8.25
Beef Scramble Egg Chow Fun.

甲比丹河 89. Phở Xào Captain.....7.25
Captain Noodle.

廣府炒河 90. Phở Xào Quảng Đông.....8.25
Cantonese Chow Fun.

廣府鴛鴦 91. Hủ Tiếu Và Bún Tàu Xào Đồ Biển 8.25
Cantonese Vermicelli & Cellophane Mixed.

滑蛋海鮮炒河 92. Hủ Tiếu Xào Đồ Biển (Sốt) 8.95
Seafood Scramble Egg Chow Fun.

炒貴刁 93. Phở Xào Kho.....7.25
House Spicy Rice Noodles.

福建麵 94. Phở Xào Phúc Kiến.....7.25
Hokkien Mee.

馬來炒米麵 95. Bún Xào Mả Lai 7.25
Malaysian Fried Noodle.

干炒銀針粉 96. Bánh Xào Thập Cẩm.....7.95
Fried Pearl Noodle.

星州炒米 97. Bún Xào Singapore 7.25
Singapore Fried Rice Noodles.

冬菇菜心炆伊麵 98. Đông Cô Cải Ngọt Xào Mì Mền ..7.95
Black Mushroom & Chinese Choi Sum E-Fu Noodle.

海鮮炆伊麵 99. Mì Xào Mềm Đồ Biển 9.95
Seafood E-Fu Noodle.

鴨絲炆伊麵 100. Mì Xào Mềm Thịt Vịt.....9.95
Shredded Duck E-Fu Noodle.

什錦炆伊麵 101. Mì Xào Mềm Thập Cẩm.....8.95
Mixed Meat E-Fu Noodle.

什錦兩面黃 102. Mì Xào Dòn Thập Cẩm.....8.25
Mixed Meat Pan Fried Noodle.

海鮮兩面黃 103. Mì Xào Dòn Đồ Biển 8.95
Seafood Pan Fried Noodle.

羅漢齋兩面黃 104. Mì Xào Dòn Đồ Chay.....8.25
Buddha Delight Pan Fried Noodle.

牛肉/鮮蝦兩面黃 105. Mì Xào Dòn Thịt Bò Hoặc Tôm ..8.25
Beef or Shrimp Pan Fried Noodle.

豬肉/雞肉撈麵 106. Mì Xào Mềm Thịt Heo Hoặc Gà ..6.95
Pork or Chicken Lo Mein.

素什菜撈麵 107. Mì Xào Mềm Chay 6.95
Vegetable Lo Mein.

湯粉類 MÌ NƯỚC *(Kho Thêm 50¢)*
NOODLE SOUP *(Dry Added 50¢)*

雲吞湯 108. Xúp Hoành Thánh 4.75
Wonton Soup.

雲吞麵 109. Mì Hoành Thánh 4.75
Wonton Noodle Soup.

雙丸麵 110. Mì Bò Cá Viên.....5.95
Beef & Fish Ball Noodle Soup.

潮丸魚蛋麵 111. Mì Cá Viên Triều Châu 4.75
Fish Ball Noodle Soup.

牛丸麵 112. Mì Bò Viên 5.75
Beef Ball Noodle Soup.

菜心麵 113. Mì Cải Ngọt.....4.25
Chinese Vegetable Noodle Soup.

海鮮菜心麵 114. Mì Đồ Biển Và Cải Ngọt.....5.95
Seafood & Chinese Vegetable Noodle Soup.

榨菜鴨絲湯米 115. Bún Thịt Vịt Mùi Tạc 8.25
Shredded Duck Rice Noodle Soup.

馬來板麵 116. Mì Mả Lai 5.75
House Special Noodle Soup.

馬來蝦麵 117. Mì Tôm Mả Lai 5.75
Malaysian Shrimp Noodle Soup.

怡保河粉 118. Hủ Tiếu Mả Lai 5.75
Ipoh Noodle Soup.

亞三拉沙 119. Bún Nước Lèo 5.75
Asam Laksa Noodle Soup.

魚頭米 120. Bánh Canh Đầu Cá 8.25
Fish Head Noodle Soup.

各式小炒，碟飯類
CÁC MÓN XÀO
RICE PLATES & ORDERS

			飯 Rice	例 Order
椒鹽/京都排骨	121.	Sườn Rang Muối / Sườn Sốt Chua .....4.95 *Baked Pork Chop / Pork Chop Peking Style.*		9.95
椒鹽/甜酸班腩	122.	Cá Rang Muối / Cá Viên Chua Ngọt .....5.50 *Baked or Sweet & Sour Fish Fillet.*		10.95
甜酸肉	123.	Thịt Heo Xào Chua Ngọt ....4.95 *Sweet & Sour Pork.*		9.95
豉油煎蝦、鹽焗蝦	124.	Tôm Chiên Nước Tương / Tôm Ram Muối .....5.95 *Soy Pan Fried Or Salt Bakert Shrimp*		11.95
葱爆火肉	125.	Hành Gừng Ba Rội.....5.50 *Scallion Pan Fried Roast Pig.*		10.95
豆腐/時菜火肉	126.	Đậu Hủ Hoặc Cải Ngọt Ba Rội .....5.50 *Roast Pig w. Chinese Vegetable or Tofu.*		10.95
紅燒班腩	127.	Đậu Hủ Xào Cá .....5.50 *Braised Fish Fillet.*		10.95
豆腐/時菜/班腩/牛/蝦	128.	Đậu Hủ Cải Ngọt Xào Cá / Bò / Tôm .....5.50 *Bean Curd or Chinese Vegetable with Fish Fillet / Beef / Shrimp.*		10.95
紅燒豆腐	129.	Đậu Hủ Xào Cải.....4.50 *Braised Tofu.*		8.95
冬菇肉碎豆腐	130.	Nấm Đông Cô Xào Sây .....4.95 *Minced Pork & Tofu w. Chinese Mushroom.*		8.95
海鮮豆腐	131.	Đậu Hủ Xào Đồ Biển.....5.50 *Seafood Tofu.*		10.95
蝦仁/叉燒煎蛋	132.	Trứng Chiên Tôm Và Xá Xíu .....5.50 *Omelette w. Shrimp or Roast Pork.*		9.95
凉瓜/九層塔煎蛋	133.	Trứng Chiên Lá Và Khổ Hoa .....4.95 *Omelette w. Bitter Melon or Basil.*		9.95
大什會	134.	Thịt Xào Thập Cẩm .....5.50 *Mixed Meat w. Vegetable.*		10.95

薑葱雞/豬肉	135.	Thịt Gà Hoặc Heo Xào Hành Gừng .....4.95 *Chicken or Pork w. Ginger & Scallion.*		8.95
牛肉炒菜	136.	Bò Xào Rau Cải .....5.50 *Beef w. vegetable*		10.95
九層塔角椒雞/豬肉	139.	Gà Hoặc Thịt Heo Xào Lá Quế Ớt Xanh.....5.95 *Basil w. Pepper Chicken or Pork.*		10.95
九層塔角椒牛/鮮蝦	140.	Bò Hoặc Tôm Xào Lá Quế Ớt Xanh.....6.50 *Basil w. Pepper Beef or Shrimp.*		11.95
馬來盞臭豆蝦干魚仔	141.	Mắm Xào Đậu Que/Cà Tím Kiểu Mả Lai .....6.95 *Patai or Eggplant w. Little Fish or Shrimp & Malaysian Paste.*		12.95
馬來盞豆仔/茄子蝦干魚仔	142.	Mắm Xào Đậu Xanh Kiểu Mả Lai .....6.50 *String Bean w. Malaysian Paste.*		10.95
馬來盞海鮮	143.	Mắm Xào Đồ Biển Kiểu Mả Lai .....6.95 *Seafood w. Malaysian Paste.*		12.95
馬來盞大什會	144.	Mắm Xào Thập Cẩm Kiểu Mả Lai .....6.50 *Mixed Meat w. Malaysian Paste.*		11.95
蒜香雞	145.	Gà Xào Tỏi .....10.95 *Garlic Roast Chicken.*		
琵琶鴨	147.	Vịt Quay Sốt Chua .....10.95 *Butterfly Duck.*		
咖喱魚頭	150.	Càri Cá Đầu .....12.00 *Curry Fish Head.*		
咖喱什菜	152.	Càri Đồ Chay .....5.50 *Curry Mixed Vegetables.*		9.95
炒時菜	153.	Đồ Xào Chay..... *Sauteed Vegetables.*		7.95
馬來風光	154.	Sà Lách Son Xào Tỏi..... *Malaysian Watercress.*		S.P.
越式煲仔魚	155.	Cá Kho Tộ ..... *Fish in Hot Pot.*		8.95

越式碟飯，檬，濱海類

CƠM DĨA, BÚN, BÁNH HỎI
VIETNAMESE CUISINE

(加春卷 $2.50, Có Chả Giò Thêm $2.50, Add Spring Roll $2.50)

			飯 Rice	檬 Vermicelli	濱海 Rice Stick
燒豬扒	157.	Sườn Nướng .....5.95 *Grilled Pork Chop.*	5.95	6.95	9.95
燒豬扒，蚕	158.	Sườn Chả .....6.50 *Grilled Pork Chop w. Crab Patty.*	6.50		
燒豬扒,蚕,肉絲	159.	Sườn Bì Chả Cua.....6.95 *Grilled Pork Chop, Shredded Pork & Crab Patty.*	6.95		
燒雞扒	160.	Gà Nướng .....5.95 *Grilled Chicken.*	5.95	6.95	9.95
燒牛肉串	161.	Bò Lụi .....5.95 *Grilled Beef w. Sesame.*	5.95	6.95	9.95
燒蝦	162.	Tôm Nướng .....5.95 *Grilled Shrimp.*	5.95	6.95	11.95
香茅雞/豬肉片	163.	Thịt Heo/Thịt Gà Xào Xả Ớt.....5.50 *Pork or Chicken w. Lemongrass.*	5.50	6.95	9.95
香茅牛/鮮蝦	164.	Thịt Bò/Tôm Xào Xả Ớt .....6.50 *Beef or Shrimp w. Lemongrass.*	6.50	7.50	
沙茶雞/豬肉片	165.	Thịt Gà/Heo Xào Saté..5.50 *Chicken or Pork w. Sate Sauce.*	5.50	6.95	
沙茶牛/鮮蝦	166.	Thịt Bò/Tôm Xào Saté 6.50 *Beef or Shrimp w. Sate Sauce.*	6.50	7.50	
咖喱雞	167.	Càri Gà.....5.75 *Curry Chicken.*	5.75	6.95	
咖喱牛/羊	168.	Càri Bò/De .....6.50 *Curry Beef or Lamb.*	6.50	7.50	
牛丁飯	169.	Bò Lúc Lắc.....6.50 *Beef Cube w. Lettuce & Tomatoes.*	6.50	12.95	
春卷檬	170.	Bún Chả Giò.....6.95 *Vietnamese Spring Roll w. Vermicelli.*		6.95	
燒豬肉片	171.	Thịt Heo Nướng.....5.50 *Grilled Pork.*	5.50	6.95	9.95

越南麵包
VIETNAMESE SANDWICH

越南麵包
1. Vietnamese Sandwich 4.00

火肉麵包
2 Roast Pig Sandwich 5.00

叉燒麵包
3. Roast Pork Sandwich 5.00

燒鴨麵包
4. Roast Duck Sandwich.....5.00

咖哩雞麵包
5. Curry Chicken Sandwich ..6.00
Curry On The Side.

咖哩羊麵包
6. Curry Lamb Sandwich 6.00
Curry On The Side.

咖哩牛麵包
7. Curry Beef Sandwich 6.00
Curry On The Side.

燒豬肉片麵包
8. Grilled Pork Sandwich 5.00

燒雞麵包
9. Grilled Chicken Sandwich..5.00

熟牛肉麵包
10. Cooked Beef Sandwich.....5.00

牛丁麵包
11. Beef Cube Sandwich.....6.50

牛串麵包
12. Beef w. Sesame Sandwich ..6.00

燒蝦麵包
13. Grilled Shrimp Sandwich ..6.00

炸魚柳麵包
14. Fish Fillet Sandwich 5.00

沙津麵包
15. Salad Sandwich
(Vegetarian) 4.00

素菜肉,雞,蝦或牛
16. Salad w. Meat, Chicken, Shrimp or Beef 6.00

火腿蛋麵包
17. Ham & Egg Sandwich 5.00

18. Ka Yang Butter 5.00

牛肉河粉類
PHỞ
RICE NOODLE BEEF SOUP

(加牛丸 $2.00, Them Bò Viên $2.00, Add Beef Ball $2.00)

火車頭牛肉粉 1. Xe Lửa (Extra Large) 6.75
Combination Rice Noodles Beef Soup w. Brisket, Navel, Frank, Omosa Tendon & Eye of Round.

生肉河粉 2. Phở Tái.....(S) 5.75 (L) 6.75
Combination Rice Noodles Beef Soup w. Fresh Eye of Round.

熟腩河粉 3. Phở Nạm .....(S) 5.75 (L) 6.75
Combination Rice Noodles Beef Soup w. Navel and Well Done.

生腩河粉 4. Phở Tái Nạm (S) 5.75 (L) 6.75
Combination Rice Noodles Beef Soup w. Fresh Eye of Round & Navel.

生筋河粉 5. Phở Tái Gân..(S) 5.75 (L) 6.75
Combination Rice Noodles Beef Soup w. Fresh Eye of Round & Tendon.

生栢某河粉 6. Phở Tái Sách (S) 5.75 (L) 6.75
Combination Rice Noodles Beef Soup w. Fresh Eye of Round & Omosa.

生牛腩筋栢某河粉 7. Phở Tái Nạm Gân Sách .....(S) 5.75 (L) 6.75
Combination Rice Noodles Beef Soup w. Fresh Eye of Round Navel & Omosa.

熟牛腩筋栢某河粉 8. Phở Chín Nạm Gân Sách .....(S) 5.75 (L) 6.75
Combination Rice Noodles Beef soup with Well Done eye of Round Navel & Omosa.

牛丸粉或純牛丸湯 9. Phở Bò Viên Hoặc Canh Bò Viên.....(S) 5.75 (L) 6.75
Combination Rice Noodles Beef Soup w. Beef Ball or Beef Ball Soup Only.

順化牛肉粉 10. Bún Bò Huế 6.75
Beef Flank, Condensed, Pig Blood Cubes in Special Vermicelli (Hue Style)

烤雞/豬扒/豬肉河粉 11. Phở Gà Nướng/Sườn Nướng/Thịt Nướng ..(S) 6.50 (L) 7.50
Combination Rice Noodles Beef Soup with Grilled Chicken/Grilled Pork Chop/Grilled Pork.

香烤牛肉串河粉 12. Phở Bò Lụi....(S) 6.50 (L) 7.50
Combination Rice Noodles Beef Soup w. Grilled Beef w. Sesame Seasoning.

鮮蝦河粉 13. Phở Tôm.....(S) 6.50 (L) 7.50
Combination Rice Noodles Beef Soup w. Fresh Shrimp.

海鮮湯河粉或麵 14. Phở Đồ Biển ..(S) 6.50 (L) 7.50
Combination Rice Noodles Beef Soup w. Seafood.

魚蛋河粉或麵 15. Phở Cá Viên/Canh Cá Viên.....(S) 5.75 (L) 6.75
Combination Rice Noodles Beef Soup w. Fish Ball or Fish Ball Soup Only.

越式牛腩河粉 16. Phở Bò Kho 6.75
Beef Stew Rice Noodles Soup.

切雞河粉 17. Phở Gà 6.75
Steamed Chicken Rice Noodles Soup.

火鴨河粉 18. Phở Vịt Quay 6.75
Roast Duck Noodles Soup.

火肉河粉 19. Phở Heo Quay 6.75
Roast Pork Noodles Soup.

淨河粉 20. Bánh Phở 4.25
Noodles Soup.

167. Gà Càri
169. Bò Lúc Lắc
16. Phở / Bánh Mì
Bò Kho Xốt Cà
21. Chả Giò
22. Gỏi Cuốn
159. Cơm Sườn
Bì Chả Cua
27. Bánh Cuốn
Chả Lụa
103. Mì Xào Dòn
Đồ Biển
171. Bánh Hỏi
Thịt Heo Nướng
155. Cá Kho Tộ
41. Canh Chua Cá